

Nghĩa Trụ, ngày 25 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH
Chuyên môn tổ 4 Tuổi - Năm học 2025 - 2026
=====

Căn cứ Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GD&ĐT Thông tư ban hành chương trình giáo dục mầm non

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ Trường mầm non;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-UBND, ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên; Thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 của trường Mầm non Vĩnh Khúc.

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường về cơ sở vật chất và đặc thù của tổ, năng lực của giáo viên trong tổ, khả năng, nhu cầu thực tế của trẻ. Tổ chuyên môn MG 4-5 tuổi xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn của tổ năm học 2025 - 2026 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đội ngũ – Học sinh

1.1. Số giáo viên trong tổ

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ DT	Năm vào ngành	Biên chế	Đảng viên	Phụ trách nhóm lớp
1	Trương Thị Thu Hiền	1977	ĐH	1997	X		4A1
2	Ngô Thị Hương	1992	CĐ	2019	X	X	4A2
3	Đào Thị Thanh Diệp	1987	ĐH	2009	X		4A3
4	Ngô Thị Thập	1973	ĐH	1997	X	X	4A3
5	Trần Thị Bích Mừng	1981	ĐH	2002	X	X	4A4

6	Nguyễn Thị Hải	1981	ĐH	2003	X	X	4A5
---	----------------	------	----	------	---	---	-----

1.2 Số học sinh tổ 4 Tuổi

- Đầu năm học 2025-2026, khối 4 Tuổi tổng số có 145 trẻ/5 lớp.

TT	Nhóm, lớp	Sĩ số	Nam	Nữ	SL trẻ khuyết tật
1	4A1	27	13	14	0
2	4A2	28	20	8	0
3	4A3	35	20	15	0
4	4A4	24	14	10	0
5	4A5	31	18	13	0

2. Thuận lợi:

- Giáo viên trong tổ luôn được BGH quan tâm, giúp đỡ tạo mọi điều kiện, được tham gia các lớp tập huấn do trường và ngành tổ chức.

- Giáo viên trong tổ có tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong mọi lĩnh vực. Nhiều đồng chí có kỹ năng sư phạm vững vàng, có kinh nghiệm, có đạo đức lối sống lành mạnh, có tinh thần học tập để nâng cao trình độ chuyên môn. Với trình độ chuyên môn đạt chuẩn 100%, đời sống của GV trong nhà trường ngày càng được nâng lên tương đối đáp ứng với nhu cầu hiện tại

- 100% các lớp trong khối dạy đúng theo độ tuổi, nhận thức của trẻ tương đối đồng đều.

- Mỗi cá nhân trong tổ đều xây dựng cho mình kế hoạch thực hiện phù hợp với lớp mình phụ trách.

- Lớp học khang trang sạch sẽ, đồ dùng tương đối đầy đủ ở mức tối thiểu để phục vụ các hoạt động của trẻ ở trường.

3. Khó khăn:

- Một số giáo viên, ứng dụng công nghệ thông tin chưa linh hoạt, còn hạn chế.

- Một số đồ dùng cho trẻ vận động còn hạn chế, nhà trường chưa có khu giáo dục thể chất riêng cho trẻ tập luyện.

II. MỤC TIÊU CHUNG

1. Tổ chuyên môn luôn nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Bộ GD&ĐT về đổi mới và phát triển

GDMN tới toàn thể các giáo viên trong tổ.

2. Tổ chuyên môn tập trung triển khai đến giáo viên thực hiện chương trình giáo dục mầm non sau chỉnh sửa, tiếp tục đổi mới công tác dạy và học, hoạt động chăm sóc. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục, khuyến khích sự sáng tạo của giáo viên, tiếp cận các hình thức giáo dục mới phù hợp tình hình thực tế địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay theo sự chỉ đạo của ngành. Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025.

3. Chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt các giải pháp đảm bảo tuyệt đối an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ tại các nhóm lớp trong nhà trường.

4. Thực hiện sự chỉ đạo của nhà trường đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như tuyên truyền trên loa truyền thanh của xã, loa truyền thanh các thôn, thông qua các buổi họp phụ huynh học sinh; chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chăm sóc, giáo dục trẻ và bồi dưỡng giáo viên.

5. Tích cực tham mưu BGH nhà trường, các cấp lãnh đạo quan tâm trẻ có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật học hòa nhập.

6. Giáo viên trong tổ tích cực tham gia các buổi bồi dưỡng, hoạt động trao đổi thảo luận trong nhóm. Thực hiện tốt nhiệm vụ tự học, tự bồi dưỡng và sáng tạo để nâng cao năng lực của bản thân với các nội dung:

* Về dinh dưỡng sức khỏe:

- Hiểu biết các nguyên lý cơ bản về sơ cấp cứu tại chỗ và biết cấp cứu ban đầu trong gãy xương.

- Hiểu biết về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.

- Hiểu biết về một số bệnh tật thường gặp ở học sinh và các biện pháp phòng, tránh.

* Về chuyên môn:

- Nâng cao nghiệp vụ tay nghề trong tổ chức các hoạt động giáo ứng dụng Steam 5E và EDP.

- Phát triển năng lực công nghệ số.

- Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống, tổ chức khám phá khoa học qua hoạt động trải nghiệm cho trẻ.

III. LỊCH THỰC HIỆN SINH HOẠT CHUYÊN MÔN

STT	Nội dung	Hình thức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều chỉnh
1	- Chuyên đề số 1 “Ứng dụng steam trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non” - Thảo luận các biện pháp để soạn giảng	Trực tiếp	Từ 17h ngày 30/8/2025	- Đỗ Thị Hoa - Đào Thị Thanh	

	các hoạt động steam đúng phương pháp, đúng loại tiết.			Điệp	
2	- Chuyên đề số 2 “Ứng dụng AI vào trong quá trình giảng dạy” - Thảo luận dùng AI vào hoạt động giảng dạy	Trực tiếp	Từ 17h ngày 13/9/2025	- Đỗ Thị Hoa - Đào Thị Thanh Điệp	
3	Chuyên đề thực hành ứng dụng AI vào một số hoạt động trong giảng dạy - Thảo luận sau thực hành.	Online/ Trực tiếp	Từ 17h phút ngày 27/9/2025	- Cả tổ	
4	- Chuyên đề số 3 “Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào quản lý và giảng dạy - Thảo luận nội dung Lựa chọn tổ chức một số hoạt động chào mừng ngày 20/10 - Thảo luận chuyên đề số 3	Trực tiếp	Từ 17h ngày 11/10/2025	- Lê Thị Hời - Đào Thị Thanh Điệp - Cả tổ	
5	Giáo dục cảm xúc tích cực cho trẻ thông qua hoạt động âm nhạc, kể chuyện.	Trực tiếp	Từ 17h ngày 25/10/2025	Ngô Thị Thập	
6	- Chuyên đề số 4 “Ứng dụng giáo dục steam vào tổ chức hoạt động giáo dục - NCBH: Lựa chọn nội dung thảo luận,	Trực tiếp	Từ 17h ngày 08/11/2025	- Đỗ Thị Hoa - Đào Thị	

	xây dựng giáo án, phân công người dạy: Phát triển thẩm mỹ - Ứng dụng phương pháp giáo dục Steam- 5E.			Thanh Điệp - Cả tổ	
7	Dự giờ minh họa theo nghiên cứu bài học Steam - 5E. Lĩnh vực PTTM. - Thảo luận sau dự giờ nghiên cứu bài học	Trực tiếp	Từ 17h ngày 22/11/2025	Ngô Thị Hương	
8	- Chuyên đề số 5 “Chuyên đề tổ chức các hoạt động dạy kỹ năng sống cho trẻ - Cách rèn kỹ năng khi giao tiếp với người lạ cho trẻ	Trực tiếp	Từ 17h ngày 06/12/2025	- Lê Thị Hội - Trần Thị Bích Mùng	
9	- Kỹ năng quản lý lớp học an toàn, tích cực; xử lý tình huống khẩn cấp trong lớp	Trực tiếp/ Online	Từ 17h ngày 20/12/2025	- Nguyễn Thị Hải	
10	- Chuyên đề số 6 “Vệ sinh dinh dưỡng, phòng chống dịch bệnh” - Chia sẻ với PH cách phòng chống bệnh viêm đường hô hấp cho trẻ trong mùa đông	Trực tiếp	Từ 17h ngày 03/1/2026	- Lê Thị Hội - Trương Thị Thu Hiền	
11	NCBH: Lựa chọn nội dung thảo luận, xây dựng giáo án, phân	Trực tiếp	Từ 17h ngày 17/01/2026	- Đào Thị Thanh Điệp	

	công người dạy: Khám phá khoa học - Ứng dụng phương pháp giáo dục Steam.			- Cả tổ	
12	Dự giờ minh họa theo nghiên cứu bài ứng dụng phương pháp giáo dục Steam. (khám phá khoa học)	Trực tiếp	Từ 17h ngày 31/1/2026	Trần Thị Bích Mùng	
13	Nâng cao kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ theo hướng trải nghiệm dưới hình thức trò chơi.	Trực tiếp/ Online	Từ 17h ngày 14/2/2026	Ngô Thị Hương	
14	- Một số biện pháp phối hợp với PH rèn kỹ năng tự phục vụ, bảo vệ cơ thể cho trẻ	Trực tiếp/ Online	Từ 17h ngày 28/02/2026	Trương Thị Thu Hiền	
15	NCBH: Lựa chọn nội dung thảo luận, xây dựng giáo án, phân công người dạy: Khám phá xã hội - Ứng dụng phương pháp giáo dục Steam	Trực tiếp	Từ 17h ngày 14/3/2026	- Đào Thị Thanh Diệp - Cả tổ	
16	Dự giờ minh họa theo nghiên cứu bài ứng dụng phương pháp giáo dục Steam. (khám phá xã hội)	Trực tiếp/ Online	Từ 17h ngày 28/3/2026	Nguyễn Thị Hải	
17	Một số biện pháp giáo dục trẻ biết phòng, chống xâm hại và đuối nước	Trực tiếp	Từ 17h ngày ngày 11/4/2026	Đào Thị Thanh Diệp	
18	NCBH: Lựa chọn nội dung thảo luận, xây	Trực tiếp	Từ 17h ngày	- Đào Thị Thanh	

	dựng giáo án, phân công người dạy: Làm quen chữ cái - Ứng dụng phương pháp giáo dục Steam		25/4/2026	Điệp - Cả tổ	
19	Dự giờ minh họa theo nghiên cứu bài ứng dụng phương pháp giáo dục Steam. (Làm quen chữ cái)	Trực tiếp	Từ 17h ngày 09/5/2026	Ngô Thị Thập	
20	Lựa chọn nội dung, hình thức tổ chức Tết thiếu nhi 01/6 cho trẻ	Gián tiếp/ Online	Từ 17h ngày 15/5/2026	Đào Thị Thanh Điệp	

IV. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
Lĩnh vực phát triển thể chất.	
A/ Giáo dục dinh dưỡng - sức khỏe: MT 1: Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng) - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin..
MT 2: Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.
MT 3: Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
MT 4: Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở	- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Tập đánh răng, lau mặt. - Thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.
MT 5: Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.

MT 6: Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống:	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.
MT 7: Trẻ có một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.
MT 8: Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi giày dép khi đi học. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định.
MT 9: Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
MT 10: Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
MT 11: Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
MT 12: Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ	- Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.

B/ Phát triển vận động: MT 13: Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	Thể dục sáng & BTPTC - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối
MT 14: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:	- Đi kiễng gót - Đi bằng gót chân. - Đi khuyu gối. - Đi trên ghế thể dục. - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m - Đi bước dồn trước. - Đi bước dồn ngang.
MT 15: Trẻ kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích dắc).	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng (dích dắc) theo vật chuẩn. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn hoặc hiệu lệnh.
MT 16: Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Tung, bắt bóng, ném, đập bóng	- Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay. - Tung bắt bóng với người đối diện - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích thẳng đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Ném trúng đích ngang xa 2m - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Đập và bắt bóng tại chỗ.
MT 17: Trẻ biết thực hiện tốt vận động bò	- Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. - Bò dích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m.
MT 18: Trẻ biết trườn theo hướng thẳng.	- Trườn theo hướng thẳng. - Trườn sấp, trèo qua ghế thể dục - Trườn sấp, chui qua cổng

MT 19: Trẻ biết trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.	- Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.
MT 20: Trẻ biết trèo lên, xuống 5 giống thang.	- Trèo lên, xuống 5 giống thang.
MT 21: Trẻ biết nhảy lò cò 3m.	- Nhảy lò cò 3m.
MT 22: Trẻ thực hiện tốt các vận động chạy	- Chạy chậm 60 - 80m. - Chạy 15m trong khoảng 10 giây
MT 23: Trẻ thực hiện tốt các vận động bật nhảy:	- Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40cm. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15cm.
MT 24: Trẻ thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay - Gập, mở, các ngón tay. - Lắp ghép hình.	Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ. - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nới ... - Gập giấy. - Lắp ghép hình.
MT 25: Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động	- Tô, vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Tắt sợi dũa. Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
Lĩnh vực phát triển nhận thức.	
MT 26: Trẻ biết được tầm quan trọng của 4 nhóm thực phẩm và cách chế biến món ăn. - Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (Thịt, cá, trứng...)	- Tên gọi, đặc điểm, tác dụng của 4 nhóm thực phẩm. - Cách sơ chế và chế biến một số món ăn đơn giản. - Tác dụng của việc ăn đủ chất. - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
MT 27: Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân: Tuổi, giới tính, sở thích	- Họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ ở gia đình.
MT 28: Trẻ biết các bộ phận	- Chức năng của các giác quan trên cơ thể

trên cơ thể và chức năng của các bộ phận	- Một số bộ phận trên cơ thể và tác dụng của nó
MT 29: Trẻ biết nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. - Trẻ biết một số nhu cầu gia đình không thể thiếu.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. - Nhu cầu về của gia đình: Phương tiện đi lại, ăn uống, ngủ, nghỉ, giải trí...
MT 30: Trẻ biết một số kiểu nhà, như nhà ngói, nhà 1 tầng, nhà 2 tầng, nhà 3 tầng...gần gũi quanh trẻ.	- Tên các kiểu nhà. - Đặc điểm các kiểu nhà.
MT 31: Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường lớp.
MT 32: Trẻ nói được địa chỉ của gia đình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ của gia đình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.
MT 33: Trẻ nói tên trường, lớp, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.
MT 34: Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
MT 35: Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện. Trẻ biết được một số nghề trong xã hội.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Ngày Thành Lập Quân Đội Nhân Dân là ngày của các chú bộ đội - Ý nghĩa của ngày 22/ 12. Biết ơn các chú bộ đội, bảo vệ đất nước.. - Ngày 20/11 là ngày Nhà Giáo Việt Nam, là ngày của các thầy các cô. - Một số hoạt động chào mừng ngày 20/11. Biết kính trọng nghề giáo viên
MT 36: Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội . - Trẻ biết Bác Hồ là vị lãnh đạo của dân tộc	- Nêu tên, đặc điểm đêm trung thu: - Bánh dẻo, bánh nướng, đèn ông sao, hương vị các loại. - Ý nghĩa của ngày tết Nguyên Đán, các món ăn, các hoạt động trong ngày tết.

	- Ngày 8/3 là ngày gì? Một số hoạt động chào mừng ngày 8/3. Ý nghĩa của ngày 8/3 - Biết Bác Hồ là ai, ngày sinh nhật Bác, Quê hương Bác và nơi bác đang yên nghỉ.
MT 37: Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.
MT 38: Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?....	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.
MT 39: Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. - Đặc điểm công dụng của một số PTGT - Nhận biết các biển báo giao thông - Đặc điểm bên ngoài, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.
MT 40: Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	- Một số đặc điểm, tính chất của nước.
MT 41: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Các nguồn nước trong môi trường sống.
MT 42: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Phân loại đồ dùng gia đình theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.
MT 43: Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
MT 44: Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.

	Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.
MT 45: Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
MT 46: Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...
Làm quen với toán. MT 47: Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	- Đếm các vật ở xung quanh trẻ. - Làm quen chữ số.
MT 48: Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
MT 49: Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.
MT 50: Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
MT 51: Trẻ biết tách, gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Tách, gộp một nhóm đối tượng trong phạm vi từ 1 – 5
MT 52: Trẻ biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).
MT 53: Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.
MT 54: Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích 2 đối tượng bằng một đơn vị đo.
MT 55: Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.

MT 56: Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
MT 57: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).
MT 58: Trẻ biết xếp tương ứng 1- 1, ghép đôi.	- Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi.
MT 59: Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.
<i>Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ.</i>	
MT 60: Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát: Rau, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu được các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.
MT 61: Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.
MT 62: Trẻ lắng nghe và trao đổi được với người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
MT 63: Trẻ nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
MT 64: Trẻ hứng thú nghe các bài hát, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	- Nghe các bài hát, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
MT 65: Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.
MT 66: Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trả lời và đặt các câu hỏi “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”
MT 67: Trẻ biết sử dụng các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Bày tỏ tình cảm nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
MT 68: Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.

MT 69: Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Trẻ nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT 70: Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè.
MT 71: Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc - Trẻ biết kể chuyện sáng tạo.	- Kể lại truyện đã được nghe. - Kể chuyện sáng tạo.
MT 72: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hiện tượng, hoạt động, đặc điểm....	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
MT 73: Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.
MT 74: Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của các nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch.
MT 75: Trẻ biết chọn sách để xem	- Xem và đọc các loại sách khác nhau.
MT 76: Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.
MT 77: Trẻ biết cách cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa. (Đọc vệt).	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu câu.
MT 78: Trẻ nhận ra 1 số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm).	- Trẻ làm quen với 1 số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ).
MT 79: Trẻ bước đầu nhận dạng được 1 số chữ cái.	- Nhận dạng 1 số chữ cái.
MT 80: Trẻ biết dùng bút để tập tô, tập đồ các nét chữ.	- Tập tô, tập đồ các nét chữ.
MT 81: Trẻ biết phân biệt được phần đầu và phần kết thúc của sách.	- Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách.
MT 82: Trẻ có ý thức và biết giữ gìn và bảo vệ sách.	- Giữ gìn và bảo vệ sách.
Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội.	
MT 83: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính. - Sở thích, khả năng của bản thân mình.

MT 84: Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Nói điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.
MT 85: Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.
MT 86: Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trục nhật, dọn đồ chơi)	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trục nhật, dọn đồ chơi)
MT 87: Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.
MT 88: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
MT 89: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Trẻ kính yêu Bác Hồ.
MT 90: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
MT 91: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường.
MT 92: Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.
MT 93: Trẻ chú ý nghe khi cô nói, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
MT 94: Trẻ biết phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.	- Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.
MT 95: Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác.
MT 96: Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trục nhật...)	- Quan tâm giúp đỡ bạn.
MT 97: Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.	- Thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.
MT 98: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định.	- Bỏ rác đúng nơi qui định.

MT 99: Trẻ không bẻ cành ngắt hoa.	- Không bẻ cành ngắt hoa.
MT 100: Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.
<i>Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.</i>	
MT 101: Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT 102: Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.
MT 103: Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
MT 104: Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
MT 105: Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, phách, tiết tấu.
MT 106: Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.
MT 107: Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
MT 108: Trẻ biết sử dụng các kỹ năng xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán	- Sử dụng các kỹ năng xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.

thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	
MT 109: Trẻ biết làm lồm, đổ bột, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Sử dụng các kỹ năng nặn làm lồm, đổ bột, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.
MT 110: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.
MT 111: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.
MT 112: Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.
MT 113: Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
MT 114: Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
MT 115: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.
<i>Tiếp cận với công nghệ số</i>	
MT 116: Trẻ biết tắt, mở máy tính, ti vi, điện thoại...và thao tác mở một số chương trình, phần mềm dành cho trẻ mầm non.	- Dạy trẻ tắt, mở máy tính, ti vi, điện thoại và một số chương trình, phần mềm dành cho trẻ mầm non.
<i>Tiếp cận giáo dục giới tính</i>	
MT 117: Trẻ nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau...	- Nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau...
MT 118: Trẻ biết tự bộc lộ bản thân không bị ràng buộc bởi giới tính của mình.	- Dạy trẻ bộc lộ bản thân không bị ràng buộc bởi giới tính của mình.

V. DỰ KIẾN THỜI GIAN NĂM HỌC 2025-2026

STT	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian thực hiện
1	Trường mầm non (2 tuần)	- Trường mầm non của bé. - Lớp học của bé.	1 1	08/09 - 12/09/2025 15/09 - 19/09/2025
2	Bản thân (4 tuần)	- Tôi là ai - Tết trung thu - Các giác quan - Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh.	1 1 1 1	22/09 - 26/09/2025 29/09 - 03/10/2025 06/10 - 10/10/2025 13/10 - 17/10/2025
3	Gia đình (4 tuần)	- Gia đình bé. - Ngôi nhà thân yêu. - Nhu cầu gia đình. - Đồ dùng gia đình.	1 1 1 1	20/10 - 24/10/2025 27/10 - 31/10/2025 03/11 - 07/11/2025 10/11 - 14/11/2025
4	Một số nghề (5 tuần)	- Nghề giáo viên - Nghề làm ruộng. - Nghề dịch vụ. - Nghề thợ mộc, thợ xây. - Nghề bộ đội.	1 1 1 1 1	17/11 - 21/11/2025 24/11 - 28/11/2025 01/12 - 05/12/2025 08/12 - 12/12/2025 15/12 - 19/12/2025
5	Giao thông (3 tuần)	- Phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt. - Phương tiện giao thông đường thủy, đường hàng không. - Một số luật lệ giao thông phổ biến.	1 1 1	22/12 - 26/12/2025 29/12 - 02/01/2026 05/01 - 09/01/2026
6	Thế giới thực vật (4 tuần)	- Cây xanh và môi trường sống. - Một số loại hoa. - Một số loại quả. - Một số loại rau.	1 1 1 1	12/01 - 16/01/2026 19/01 - 23/01/2026 26/01 - 30/01/2026 02/02 - 06/02/2026
7	Tết và mùa xuân (2 tuần)	- Tết Nguyên đán. - Nghi Tết - Mùa xuân	1 1 1	09/02 - 13/02/2026 16/02 - 20/02/2026 23/02 - 27/02/2026
8	Thế giới động vật (5 tuần)	- Một số con vật nuôi trong gia đình có 2 chân, 2 cánh, đẻ trứng. - Một số con vật nuôi	1 1	02/03 - 06/03/2026 09/03 - 13/03/2026

		trong gia đình có 4 chân, để con. - Một số con vật sống trong rừng. - Một số con vật sống dưới nước. - Một số con côn trùng.	1 1 1	16/03 - 20/03/2026 23/03 - 27/03/2026 30/03 - 03/04/2026
9	Nước và một số hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	- Nước. - Một số hiện tượng tự nhiên. - Các mùa trong năm.	1 1 1	06/04 - 10/04/2026 13/04 - 17/04/2026 20/04 - 24/04/2026
10	Quê hương - đất nước - Bác Hồ (3 tuần)	- Đất nước Việt Nam - Quê hương em - Bác Hồ kính yêu.	1 1 1	27/04 - 01/05/2026 04/05 - 08/05/2026 11/05 - 15/05/2026

Trên đây là kế hoạch, chuyên môn tổ 4 Tuổi năm học 2025-2026. Tổ chuyên môn yêu cầu tất cả các GV trong tổ thực hiện nghiêm túc những chỉ tiêu và kế hoạch đã được xây dựng ở trên.

VI. CHỈ TIÊU THI ĐUA.

- * Danh hiệu tổ: Tổ lao động tiên tiến
- * Danh hiệu cá nhân: 6/6 giáo viên tổ đạt LĐTT.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

TỔ TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG